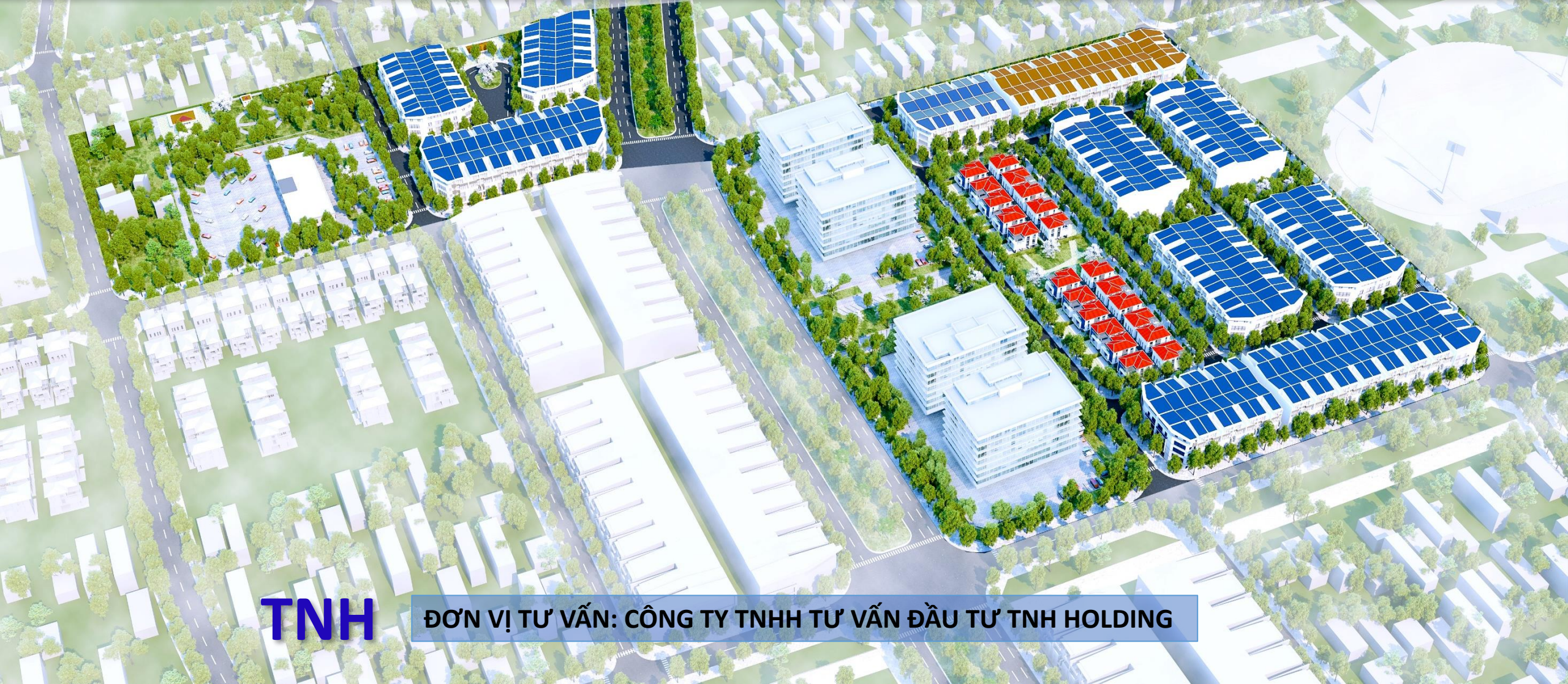


XIN Ý KIẾN VỀ ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500

# KHU DÂN CƯ MỚI TIÊN PHONG TẠI XÃ TIÊN TRANG

ĐỊA ĐIỂM: XÃ TIÊN TRANG, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA



**TNH**

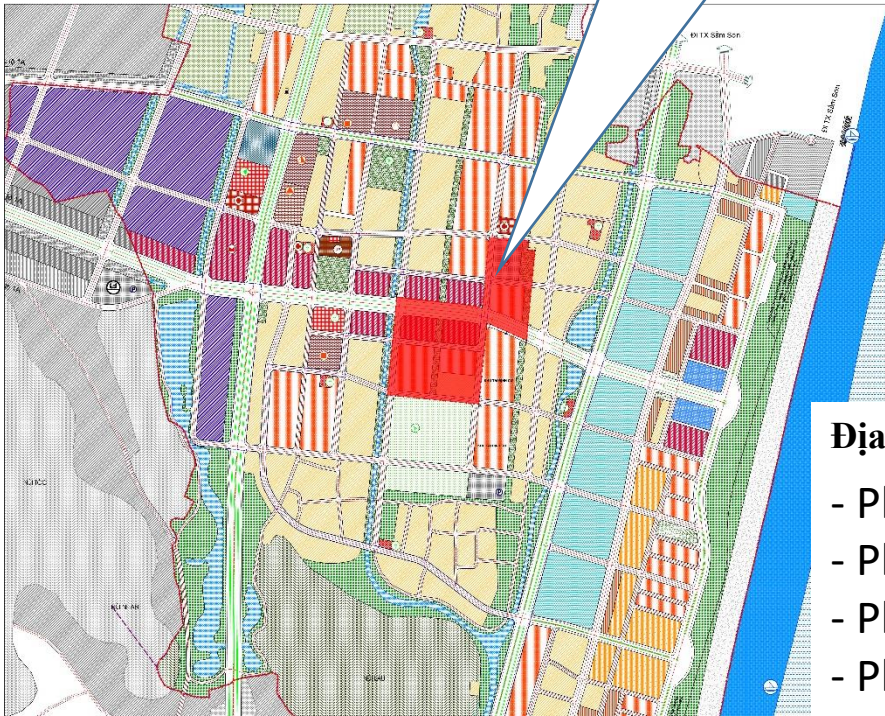
ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ TNH HOLDING



# VỊ TRÍ VÀ MỐI LIÊN HỆ VÙNG

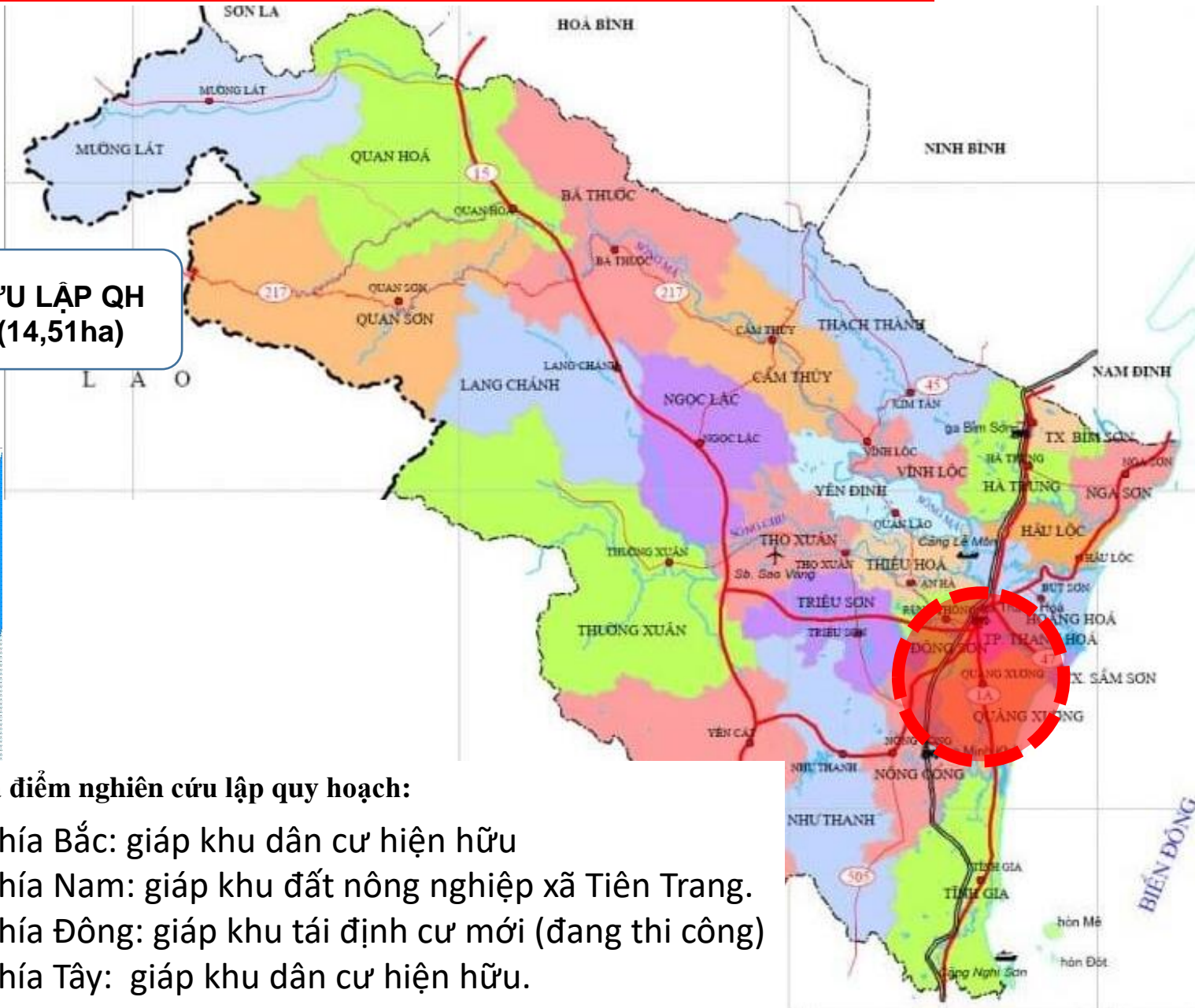
- Quảng Xương là huyện đồng bằng ven biển của tỉnh Thanh Hóa
- Xã Tiên Trang nằm ở phía đông nam huyện Quảng Xương

**VỊ TRÍ NGHIÊN CỨU LẬP QH**  
**S= 145115.71 m<sup>2</sup> (14,51ha)**



## Địa điểm nghiên cứu lập quy hoạch:

- Phía Bắc: giáp khu dân cư hiện hữu
- Phía Nam: giáp khu đất nông nghiệp xã Tiên Trang.
- Phía Đông: giáp khu tái định cư mới (đang thi công)
- Phía Tây: giáp khu dân cư hiện hữu.





# QUY HOẠCH CHUNG KHU VỰC NGHIÊN CỨU LẬP QUY HOẠCH





# HIỆN TRẠNG KHU VỰC NGHIÊN CỨU LẬP QUY HOẠCH

## a. Hiện trạng sử dụng đất:

Khu đất nghiên cứu lập quy hoạch chủ yếu là trồng, đất trồng lúa, trồng màu, trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, hiệu quả kinh tế thấp chiếm khoảng 84.3 %, đất dân cư hiện trạng có sân vườn chiếm khoảng 21.1%, đất mặt nước, kênh mương thủy lợi nội đồng chiếm 2.9%, đất đường giao thông đối nội đối ngoại chiếm khoảng 12.1%, ngoài ra còn có một số mộ rải rác chiếm khoảng 0.7%





# HIỆN TRẠNG KHU VỰC NGHIÊN CỨU LẬP QUY HOẠCH



Google Earth

Image © 2020 Maxar Technologies

Image © 2020 CNES / Airbus

© 2020 Google



# HIỆN TRẠNG KHU VỰC NGHIÊN CỨU LẬP QUY HOẠCH

## b. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật:

### Giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Trục giao thông liên xã
- Giao thông đối nội: chủ yếu là đường liên thôn, ngõ xóm phục vụ nhu cầu đi lại của các khu dân cư hiện có, đường nhựa, đường bê tông, đường đất đường bờ thửa phục vụ nhu cầu canh tác và sản xuất nông nghiệp

### Thoát nước:

- Nước mưa, nước thải sinh hoạt chủ yếu thoát ra mương nước hiện trạng, mương nội đồng

### Cấp nước:

- Nước sạch: chưa được đầu tư chưa đồng bộ khai thác nguồn nước ngầm.
- Tưới tiêu: Nước tưới tiêu được lấy từ mương hiện trạng chạy bên trong khu đất.

### Cấp điện:

Khu vực nghiên cứu có lưới điện 10kv phía Bắc của dự án

### Thông tin liên lạc:

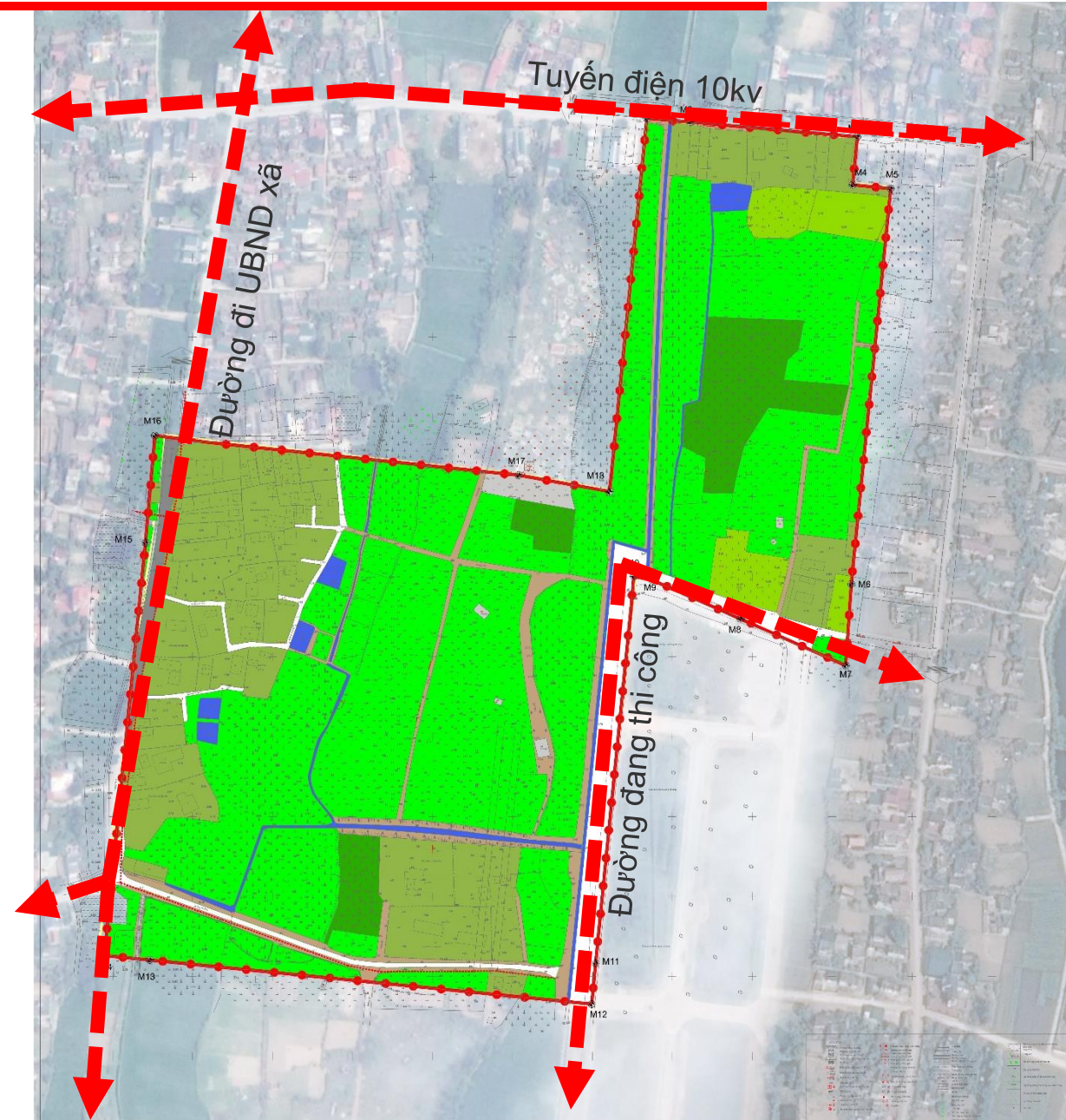
Trong phạm vi quy hoạch nằm trong vùng phủ sóng của hệ thống điện thoại di động Mobiphone, Vinaphone, Viettel và các mạng di động khác do vậy có thể đáp ứng mọi nhu cầu về thông tin liên lạc.

### Thoát nước bản và vệ sinh môi trường

Hệ thống thoát nước thải thoát chung với nước mưa, khu vực lập quy hoạch chưa có hệ thống thu gom nước thải, nước thải từ các hộ gia đình đổ trực tiếp ra phía sau nhà, nước một phần tự thấm, một phần chảy vào mương hở, ao hồ ...

### Xử lý rác thải tại chỗ

Trong khu vực dự án chưa có hệ thống xử lý rác thải riêng.

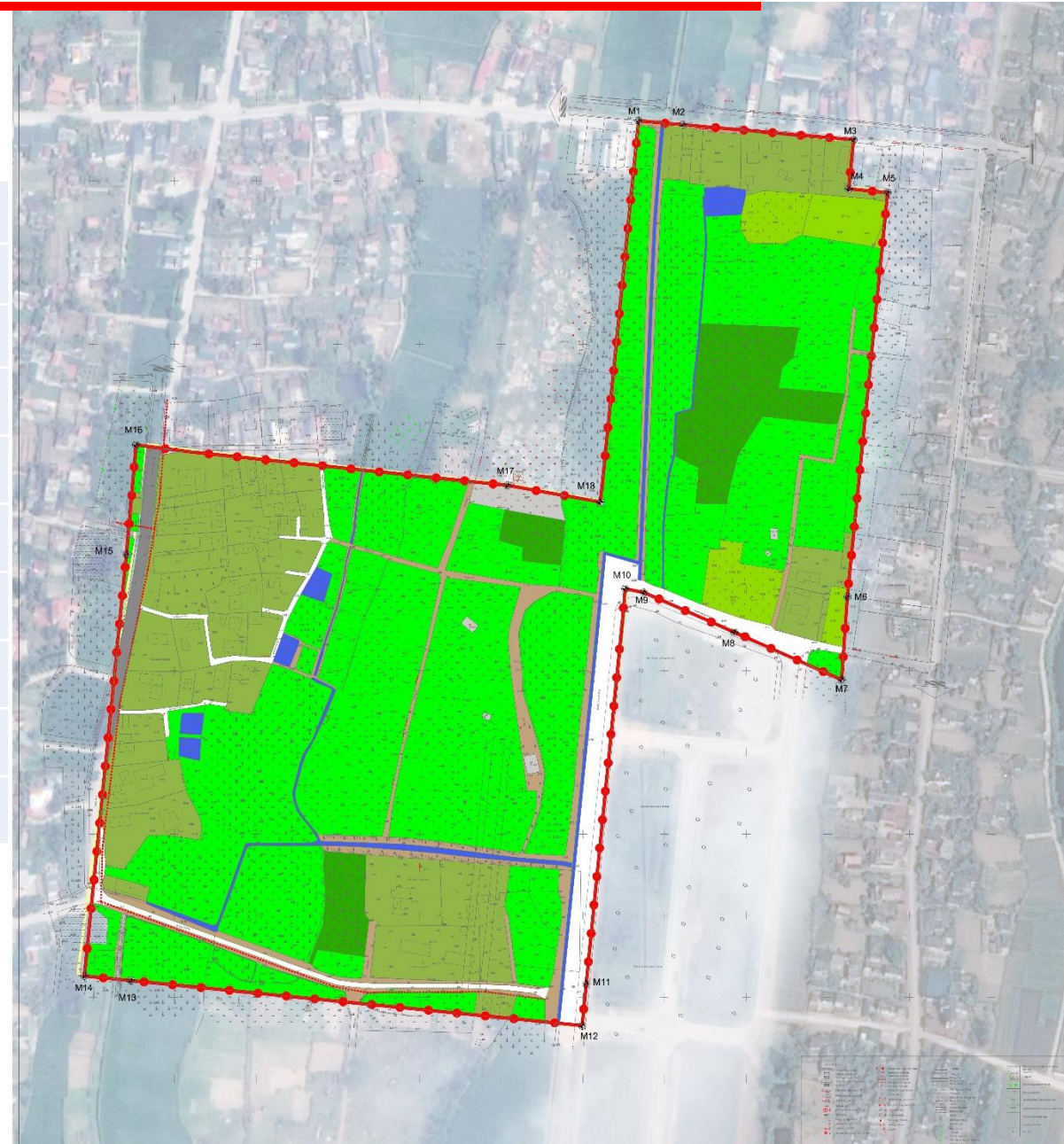




# HIỆN TRẠNG KHU VỰC NGHIÊN CỨU LẬP QUY HOẠCH

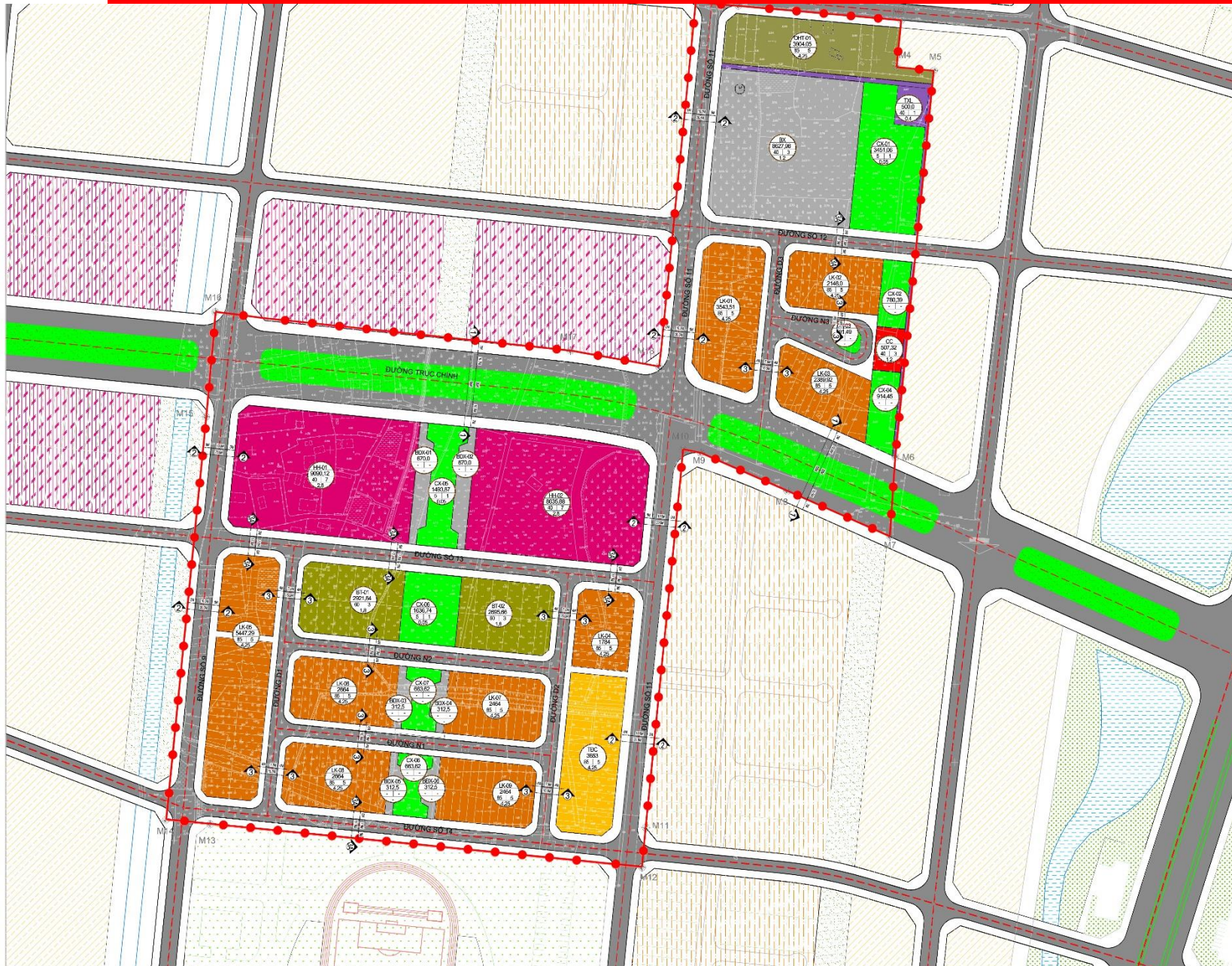
**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT SỐ LIỆU ĐẤT HIỆN TRẠNG**

| STT | HẠNG MỤC                | DIỆN TÍCH (M2)    | TỶ LỆ      |
|-----|-------------------------|-------------------|------------|
|     |                         |                   | (%)        |
| 1   | Đất trồng lúa nước      | 40.656,50         | 28,02%     |
| 2   | Đất trồng cây hàng năm  | 54.135,70         | 37,31%     |
| 3   | Đất nuôi trồng thủy sản | 936,70            | 0,65%      |
| 4   | Đất ở tại nông thôn     | 27.495,00         | 18,95%     |
| 5   | Đất thủy lợi            | 264,90            | 0,18%      |
| 6   | Đất giao thông          | 21.626,90         | 14,90%     |
|     | <b>Tổng cộng</b>        | <b>145.115,70</b> | <b>100</b> |





# BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT



## KÝ HIỆU:

RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH

ĐẤT HỖN HỢP

ĐẤT CÔNG CỘNG

ĐẤT BIỆT THỰ

ĐẤT Ở LIÊN KẾ

ĐẤT Ở TÀI ĐỊNH CƯ

ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG

ĐẤT CÂY XANH ĐƠN VỊ Ở

ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT

ĐẤT BÃI ĐỖ XE

## GHI CHÚ

NHÀ VĂN HÓA

BÃI ĐỖ XE

A: KÝ HIỆU CHỨC NĂNG Ô ĐẤT  
 B: DIỆN TÍCH Ô ĐẤT (M<sup>2</sup>)  
 C: MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỐI ĐA (%)  
 D: TẦNG CAO TỐI ĐA (TẦNG)  
 E: HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (LẦN)

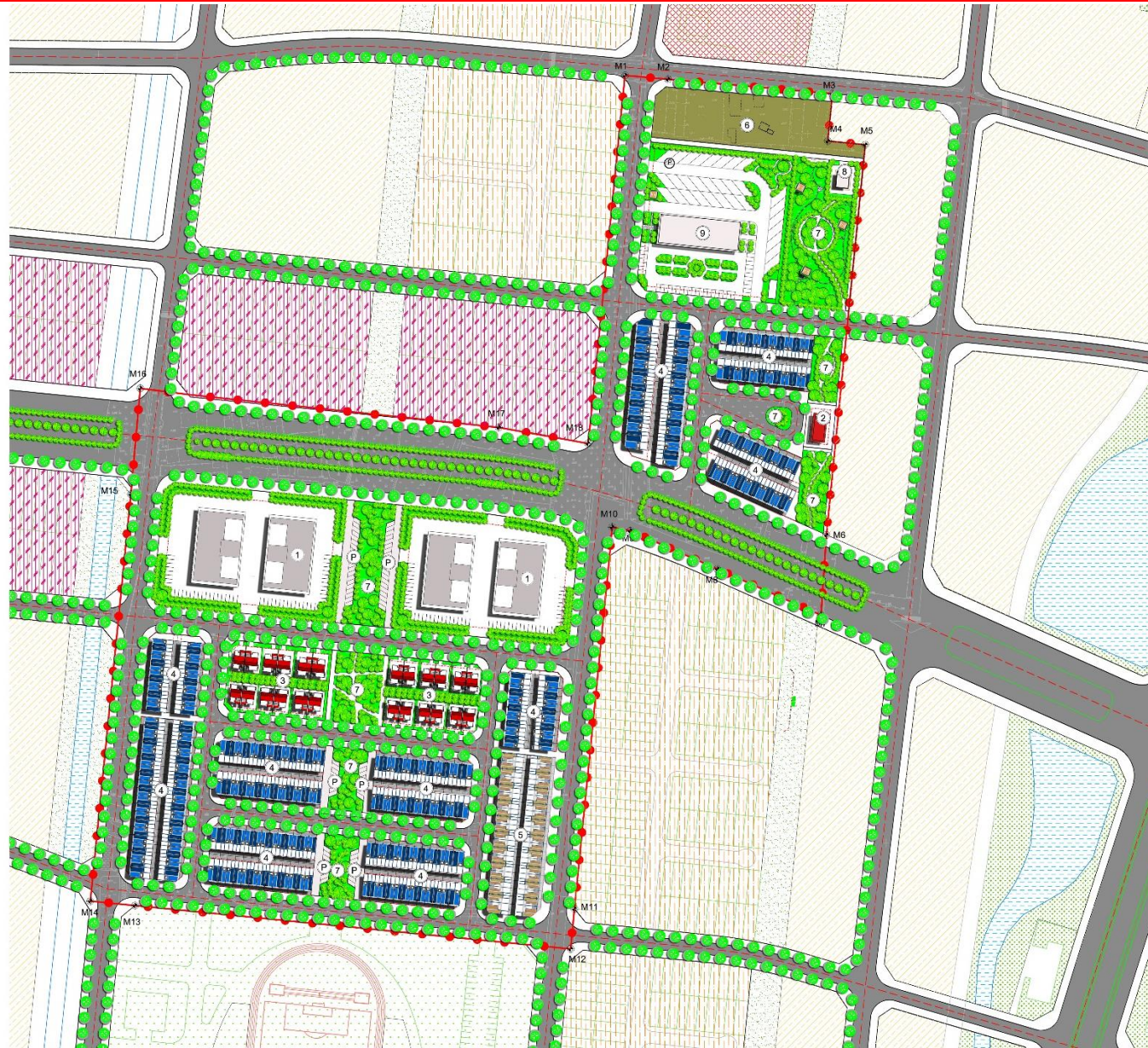


## BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU SỬ DỤNG ĐẤT

| STT | Hạng mục                                    | Ký hiệu | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích đất xây dựng (m <sup>2</sup> ) | Diện tích sàn (m <sup>2</sup> ) | Mật độ xây dựng tối đa (m <sup>2</sup> ) | Tầng cao tối đa (tầng) | Hệ số sử dụng đất (lần) | Tỷ lệ (%)    | Chỉ tiêu m <sup>2</sup> /ng | Số lô      |
|-----|---|---------|---------------------------------|--|---------------------------------|--|------------------------|-------------------------|--------------|-----------------------------|------------|
|     | Dân số dự kiến                              | 1296    | Người                           |  |                                 |  |                        |                         |              |                             |            |
| 1   | Đất hỗn hợp (TMDV, khách sạn, văn phòng...) | HH      | 17.726,00                       | 7.090,40                                 | 49.632,80                       | 40,00                                    | 7,00                   | 2,80                    | 12,2         | 13,68                       |            |
| 2   | Đất công cộng (nhà văn hóa)                 | CC      | 507,32                          | 202,93                                   | 1.420,50                        | 40,00                                    | 3,00                   | 1,20                    | 0,3          | 0,39                        |            |
| 3   | Đất ở mới                                   |         | 34.837,02                       | 6.475,43                                 | 32.377,15                       |  |                        |                         | 24,0         | 26,88                       | 316        |
|     | Đất biệt thự                                | BT      | 5.617,30                        | 3.370,38                                 | 16.851,90                       | 60,00                                    | 3,00                   | 1,80                    | 3,9          |                             | 24         |
|     | Đất ở liền kề                               | LK      | 25.566,72                       |  |                                 | 85,00                                    | 5,00                   | 4,25                    | 17,6         | 19,73                       | 252        |
|     | Đất ở tái định cư                           | TĐC     | 3.653,00                        | 3.105,05                                 | 15.525,25                       | 85,00                                    | 5,00                   | 4,25                    | 2,5          | 2,82                        | 40         |
| 4   | Đất ở hiện trạng                            | OHT     | 3.904,05                        | 3.318,44                                 | 16.592,21                       | 85,00                                    | 5,00                   | 4,25                    | 2,7          |                             | 8          |
| 5   | Đất công viên cây xanh                      | CX      | 9.795,25                        | 247,25                                   | 1.236,23                        | 5,00                                     | 1,00                   | 0,05                    | 6,7          | 7,56                        |            |
| 6   | Đất bến xe                                  | BX      | 8.627,98                        | 3.451,19                                 | 17.255,96                       | 40,00                                    | 3,00                   | 1,20                    | 5,9          | 6,66                        |            |
| 7   | Đất bãi đỗ xe                               | BDX     | 2.590,00                        |  |                                 |  |                        |                         | 1,8          | 2,00                        |            |
| 8   | Đất hạ tầng kỹ thuật                        |         | 1.345,05                        |  |                                 |  |                        |                         | 0,9          |                             |            |
|     | Trạm xử lý                                  | TXL     | 500,00                          |  |                                 |  |                        |                         |              |                             |            |
|     | Hạ tầng kỹ thuật                            |         | 845,05                          |  |                                 |  |                        |                         |              |                             |            |
| 9   | Giao thông                                  |         | 65.783,04                       |  |                                 |  |                        |                         | 45,3         | 50,76                       |            |
|     | <b>Tổng</b>                                 |         | <b>145.115,71</b>               |  |                                 |  |                        |                         | <b>100,0</b> |                             | <b>324</b> |



# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CẢNH QUAN





# ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ PHẦN HẠ TẦNG KỸ THUẬT DỰ ÁN

## I. LÝ DO ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ PHẦN HẠ TẦNG CỦA ĐỒ ÁN

Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới Tiên Phong tại xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đã được phê duyệt tại quyết định số 4813/QĐ-UBND ngày 09/11/2020, trong quá trình triển khai thiết kế cơ sở và thiết kế thi công dự án, vì một số lý do khách quan Đồ án cần được điều chỉnh cục bộ để phù hợp với thực tiễn và các quy định mới và dự án khớp nối cos cao độ với các khu dân cư hiện hữu xung quanh và phù hợp với cos cao độ mới trong khu vực phạm vi dự án vừa được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt điều chỉnh lại cos cao độ Quy hoạch chung đô thị Tiên Trang, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 tại Quyết định số 2957/QĐ-UBND ngày 21/8/2023. Cụ thể như sau:

- Đồ án Quy hoạch chung đô thị Tiên Trang, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 mới được phê duyệt tại quyết định số 2957/QĐ-UBND ngày 21/8/2023. Trong đó cos cao độ mới trong khu vực phạm vi dự án (về giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải) có sự thay đổi. Do đó cần điều chỉnh cục bộ các nội dung Hạ tầng kỹ thuật của đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đảm bảo khớp nối đồng bộ với các quy định cấp trên theo Quyết định đã phê duyệt của UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Theo Quyết định số 4813/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng cho đô thị loại V, tuân thủ quy định tại **QCXDVN 01:2019/BXD** Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về Quy hoạch xây dựng. Hiện nay đã có một số yếu tố mới tác động đến khu vực đồ án, nhiều chỉ tiêu hiện chưa đáp ứng được Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng mới ban hành kèm theo **Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021** của Bộ Xây dựng. Do đó cần điều chỉnh, bổ sung đáp ứng các chỉ tiêu, quy định của Quy chuẩn về Quy hoạch xây dựng.



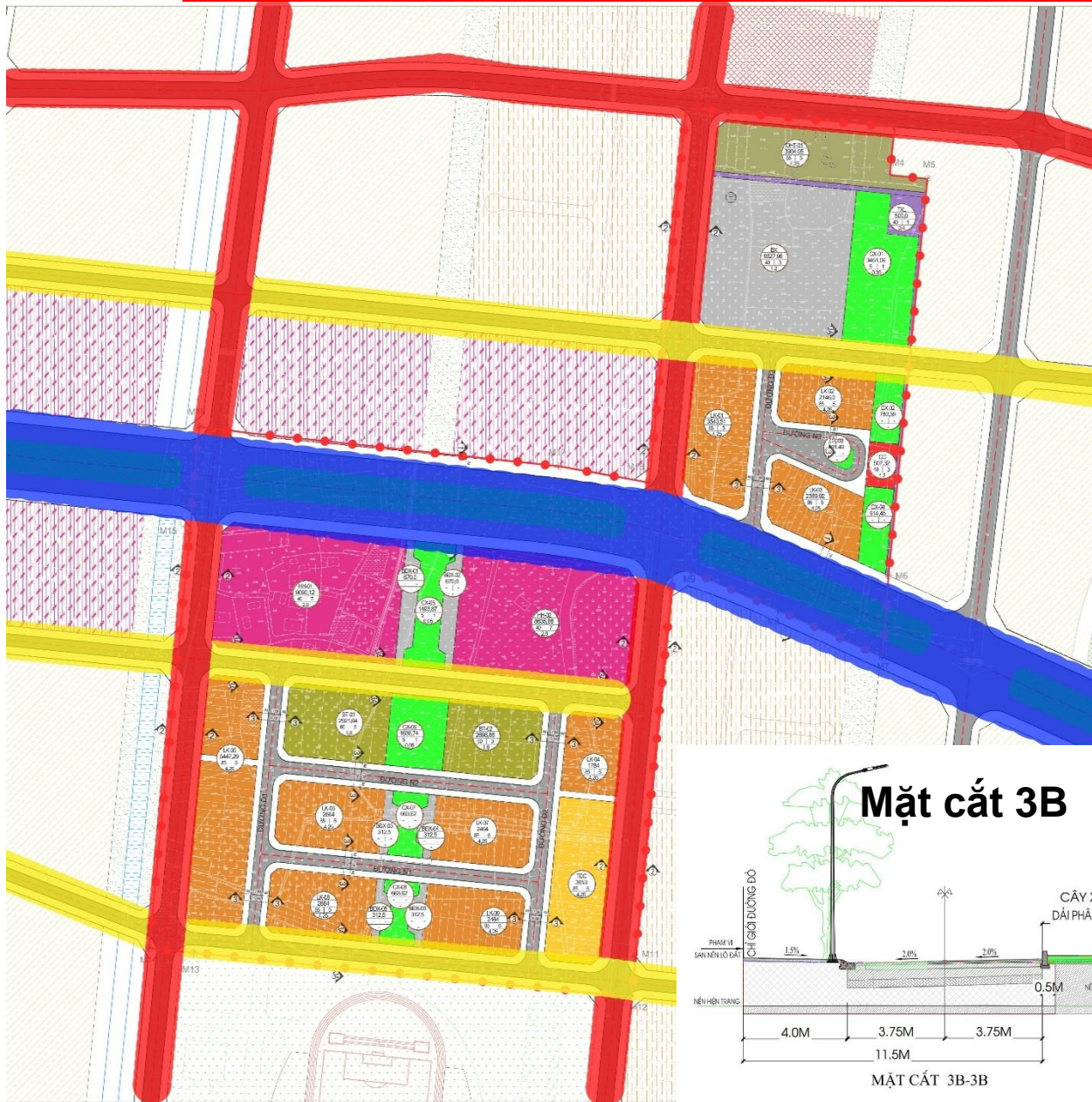
# ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ PHẦN HẠ TẦNG KỸ THUẬT DỰ ÁN

## II. CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ PHẦN HẠ TẦNG CỦA ĐỒ ÁN

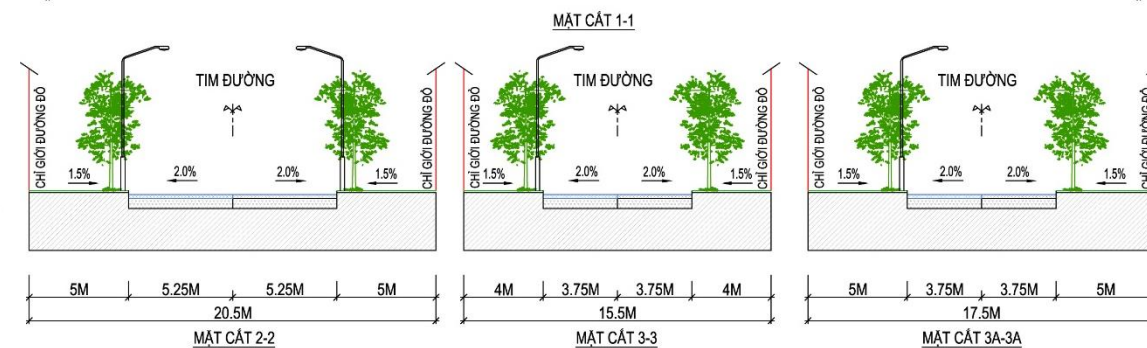
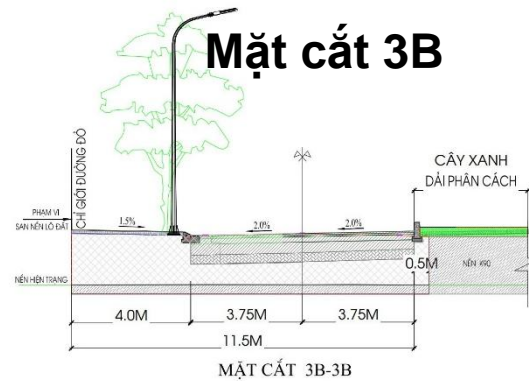
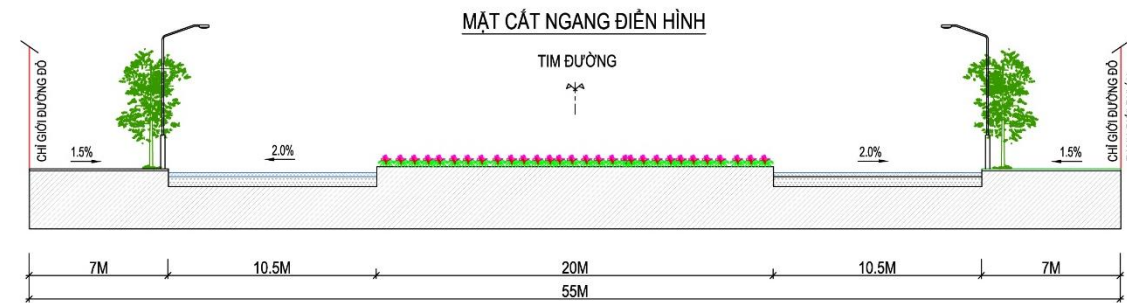
- Bản vẽ Quy hoạch giao thông:** Cao độ tìm đường trong phạm vi khu quy hoạch được điều chỉnh từ 3.50m nâng lên 4.0m đến 4.25m
- Bản vẽ Quy hoạch san nền:** Cao độ san nền cao nhất là 4,4m (Cao độ cũ là 3,9m), cao độ thấp nhất là 4,1m (Cao độ cũ là 3,55m)
- Bản vẽ Quy hoạch thoát nước mưa:** Điều chỉnh mạng lưới cống thoát nước, tuân thủ theo Quyết định số 2957/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị Tiên Trang, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045
- Bản vẽ Quy hoạch cấp nước:** Tổng công suất cấp nước đã duyệt: 380m<sup>3</sup>/ngđêm nay điều chỉnh tăng thành 920 m<sup>3</sup>/ngđêm, do cập nhật thêm công suất cấp nước của khu đất Thương mại dịch vụ
- Bản vẽ Quy hoạch điện và chiếu sáng:** Tổng công suất cấp điện được duyệt: 2.997,18 kVA nay điều chỉnh thành 2.216,8 kVA do điều chỉnh lại hệ số sử dụng điện đồng thời
- Bản vẽ Quy hoạch thoát nước thải:** Tổng nhu cầu thoát nước thải được duyệt: 180m<sup>3</sup>/ngđêm nay điều chỉnh thành 300m<sup>3</sup>/ngđêm, do cập nhật thêm công suất cấp nước của khu đất Thương mại dịch vụ
- Các nội dung khác:** Giữ nguyên theo Quyết định số 4813/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới Tiên Phong tại xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa



# BẢN ĐỒ QUY HOẠCH GIAO THÔNG



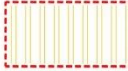
- MẶT CẮT 1-1 LỘ GIỚI 55M**
- MẶT CẮT 2-2 LỘ GIỚI 20.5M-21.5M**  
(HÈ 2X5(6)M=10-11M, LÒNG ĐƯỜNG 10.5M)
- MẶT CẮT 3A-3A LỘ GIỚI 17.5M**  
(HÈ 2X5M=10M, LÒNG ĐƯỜNG 7.5M)
- MẶT CẮT 3-3 LỘ GIỚI 15.5M**  
(HÈ 2X4M=8M, LÒNG ĐƯỜNG 7.5M)
- MẶT CẮT 3B-3B Điều chỉnh**  
**LỘ GIỚI 11.5M**  
(HÈ 4M, LÒNG ĐƯỜNG 7.5M)

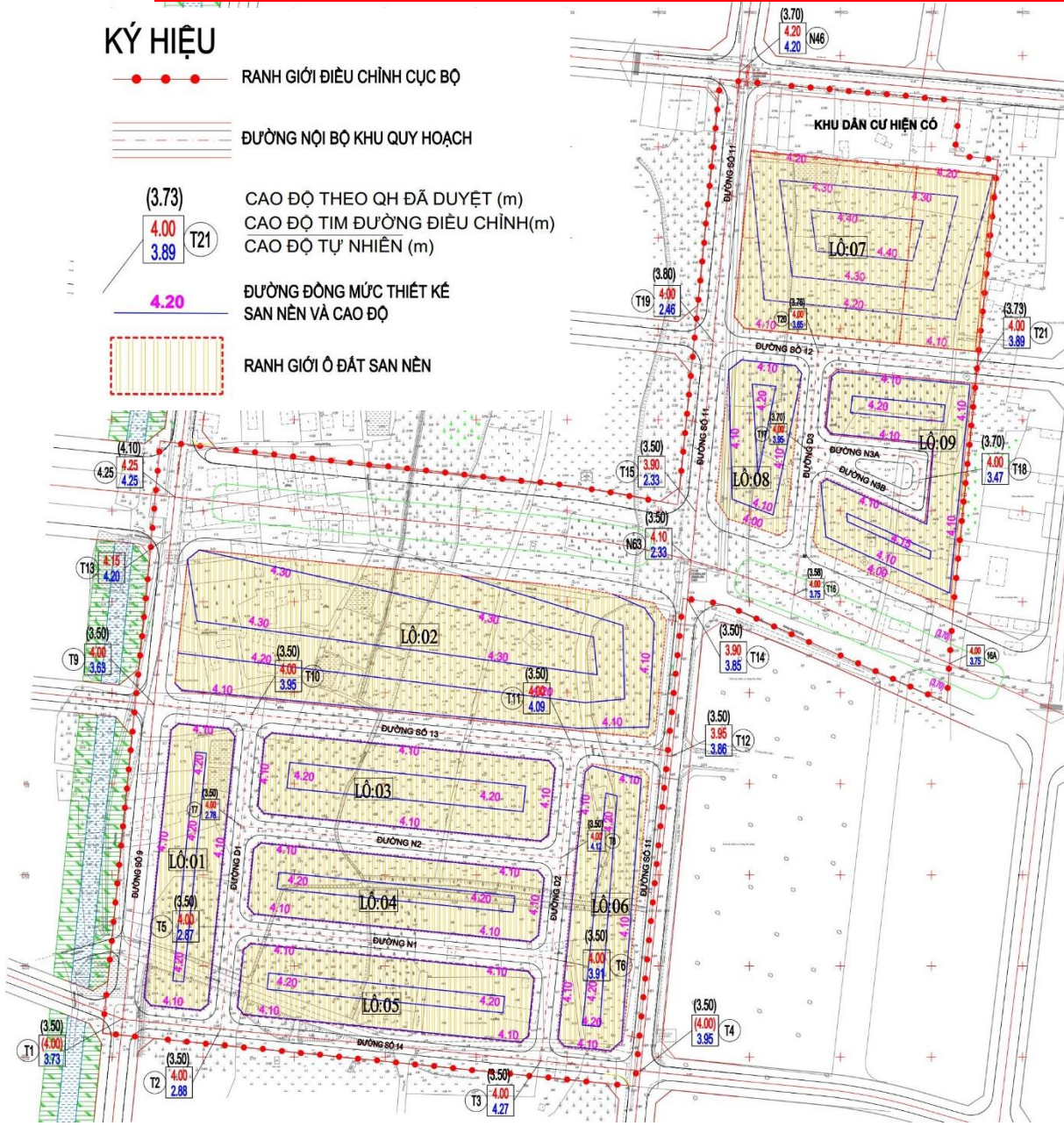




# BẢN ĐỒ QUY HOẠCH GIAO THÔNG, SAN NỀN

## KÝ HIỆU

-  RANH GIỚI ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ
-  ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU QUY HOẠCH
- (3.73) CAO ĐỘ THEO QH ĐÃ DUYỆT (m)  
4.00 CAO ĐỘ TÌM ĐƯỜNG ĐIỀU CHỈNH(m)  
3.89 CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (m)
-  4.20 ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC THIẾT KẾ SAN NỀN VÀ CAO ĐỘ
-  RANH GIỚI Ô ĐẤT SAN NỀN



## GIẢI PHÁP THIẾT KẾ:

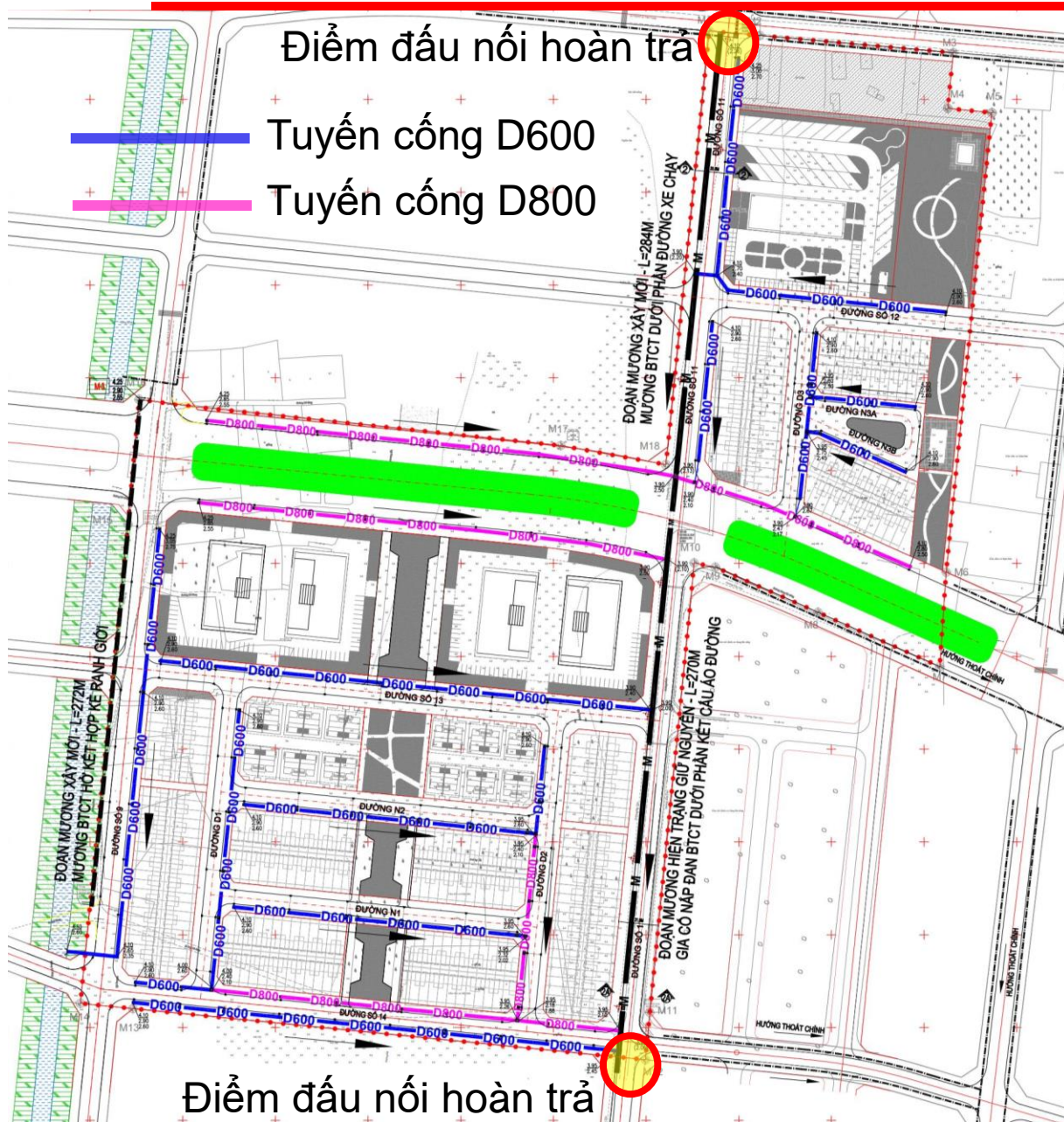
- TRÊN CƠ SỞ CAO ĐỘ KHÔNG CHẾ TÌM ĐƯỜNG, TIẾN HÀNH VẠCH ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC TRONG CÁC LÔ ĐẤT, CAO ĐỘ SAN NỀN HOÀN THIỆN CAO HƠN CAO ĐỘ TÌM ĐƯỜNG GIAO THÔNG TẠI CÁC VỊ TRÍ TƯƠNG ĐƯƠNG KHOẢNG 0 ~10 CM, ĐỘ DỐC TỐI THIỂU SAN NỀN TRONG CÁC LÔ ĐẤT LÀ 0.4% ĐẢM BẢO ĐIỀU KIỆN THOÁT NƯỚC MẶT.
- KHI SAN NỀN CẦN CHÚ Ý CÁC CÔNG TRÌNH NGẦM (NẾU CÓ) ĐỂ CÓ BIỆN PHÁP BẢO VỆ HAY DI DỜI HỢP LÝ.
- KHỐI LƯỢNG SAN NỀN TRONG GIAI ĐOẠN QUY HOẠCH CHỈ TẠM TÍNH THEO PHƯƠNG PHÁP TÍNH TRUNG BÌNH, KHI LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẦN TÍNH TOÁN XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG CHÍNH XÁC, CỤ THỂ THEO THỰC TẾ.
- VẬT LIỆU SAN NỀN LÀ CÁT ĐEN HOẶC ĐẤT ĐỒI ĐẦM CHẶT  $K > 0,85$ .

## Tổng hợp khối lượng đào - đắp nền toàn khu

| Stt | Tên lô đất  | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |                 | Chiều cao  |             | Khối lượng (m <sup>3</sup> ) |                 |
|-----|-------------|-----------------------------|-----------------|------------|-------------|------------------------------|-----------------|
|     |             | Đào                         | Đắp             | Đào        | Đắp         | Đào                          | Đắp             |
| 1   | Lô 1        | -                           | 5.591,3         | -          | 0,65        | -                            | 3.634,3         |
| 2   | Lô 2        | 7.147,5                     | 13.388,3        | 0,3        | 1,00        | 2.144,3                      | 13.388,3        |
| 3   | Lô 3        | 4.931,0                     | 2.323,0         | 0,3        | 1,30        | 1.479,3                      | 3.019,9         |
| 4   | Lô 4        | <b>2.829,6</b>              | <b>3.587,0</b>  | <b>0,3</b> | <b>1,20</b> | 848,9                        | 4.304,4         |
| 5   | Lô 5        | 3.718,0                     | 2.698,6         | 0,6        | 1,10        | 2.044,9                      | 2.968,5         |
| 6   | Lô 6        | -                           | 5.581,0         | -          | 0,90        | -                            | 5.022,9         |
| 7   | Lô 7        | -                           | 13.171,5        | -          | 0,70        | -                            | 9.220,1         |
| 8   | Lô 8        | -                           | 3.543,5         | -          | 1,10        | -                            | 3.897,9         |
| 9   | Lô 9        | -                           | 6.998,1         | -          | 0,75        | -                            | 5.248,6         |
|     | <b>Tổng</b> | <b>18.626,1</b>             | <b>56.882,3</b> |            |             | <b>6.517,3</b>               | <b>50.704,8</b> |



# BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA



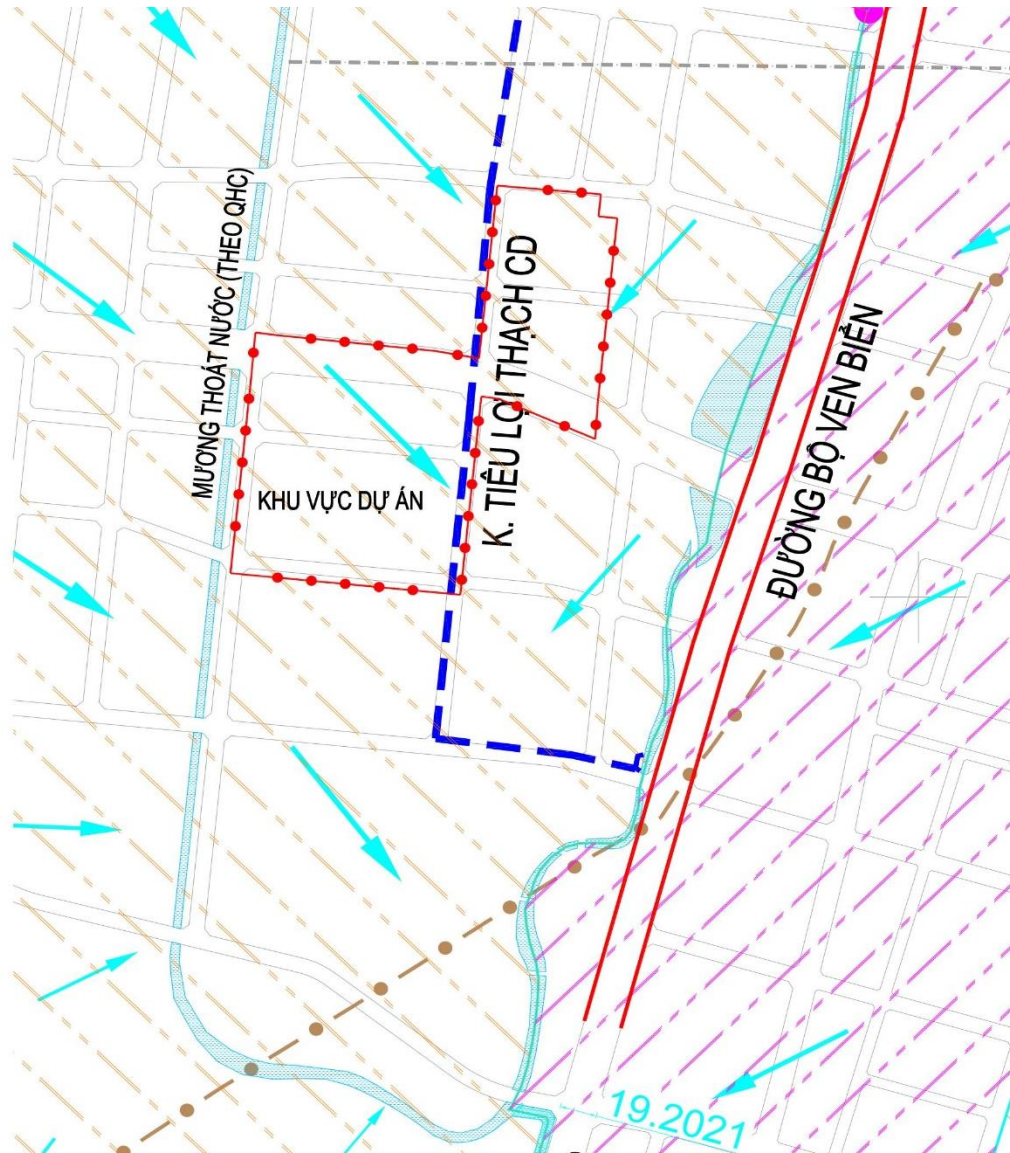
## THUYẾT MINH:

- Hệ thống Thoát nước mưa thiết kế riêng với nước thải
- Tuyến Kênh tiêu Lợi Thạch hiện có đi qua dự án hướng thoát từ Bắc xuống Nam, kích thước B1500. Theo quy hoạch thuộc phạm vi mở rộng Đường số 11. Khi triển khai xây dựng khu dân cư mới cần hoàn trả theo quy định.
- + Đoạn tuyến phía Nam (tiếp giáp khu Tái định cư đã thi công): Dự kiến giữ nguyên, phạm vi tuyến mương nằm trong phần đường xe chạy. Bổ sung tám tam BTCT M250# đặt nắp trước khi thi công lớp mặt đường mở rộng theo quy hoạch.
- + Đoạn tuyến phía Bắc. Phá bỏ và xây dựng hoàn trả mới, Xây dựng Mương BTCT kích thước B1500 bố trí dưới phần đường xe chạy, sát mép bó vỉa khớp nối với tuyến mương phía Nam.
- + Tuyến đường trục chính (rộng 55m) bố trí cống dọc theo hai bên hè đường, thu nước mặt trên đường bằng hệ thống ga thăm có cửa thu nước.
- + Tuyến đường số 11 một bên mương xây hoàn trả, một bên bố trí cống tròn thoát nước một bên hè đường.
- + Các tuyến: Đường số 9, 12, 13, tuyến N1, N2, N3A, N3B, N4, N6, D1, D2, D3 bố trí cống tròn thoát nước một bên hè đường. Thu nước mặt đường bằng hệ thống cửa thu và Ga thu trực tiếp hết hợp với cống ngang đường D300.
- + Tuyến đường số 14 bố trí cống dọc theo hai bên hè đường. Thu nước mặt trên đường bằng hệ thống ga thăm có cửa thu nước.

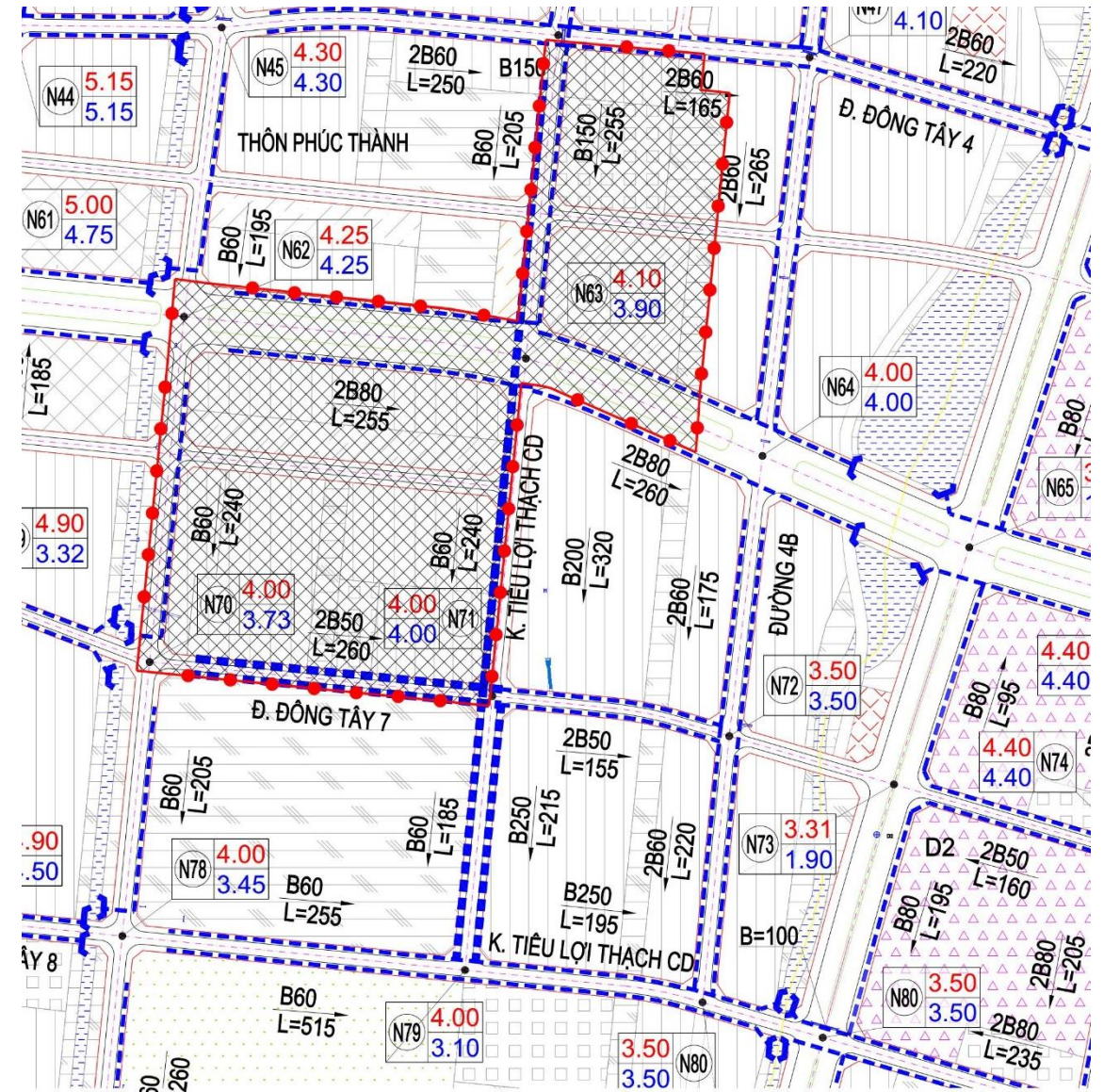


# BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG THOÁT NƯỚC MƯA THEO QUY HOẠCH CHUNG

## SƠ ĐỒ LƯU VỰC QUA DỰ ÁN

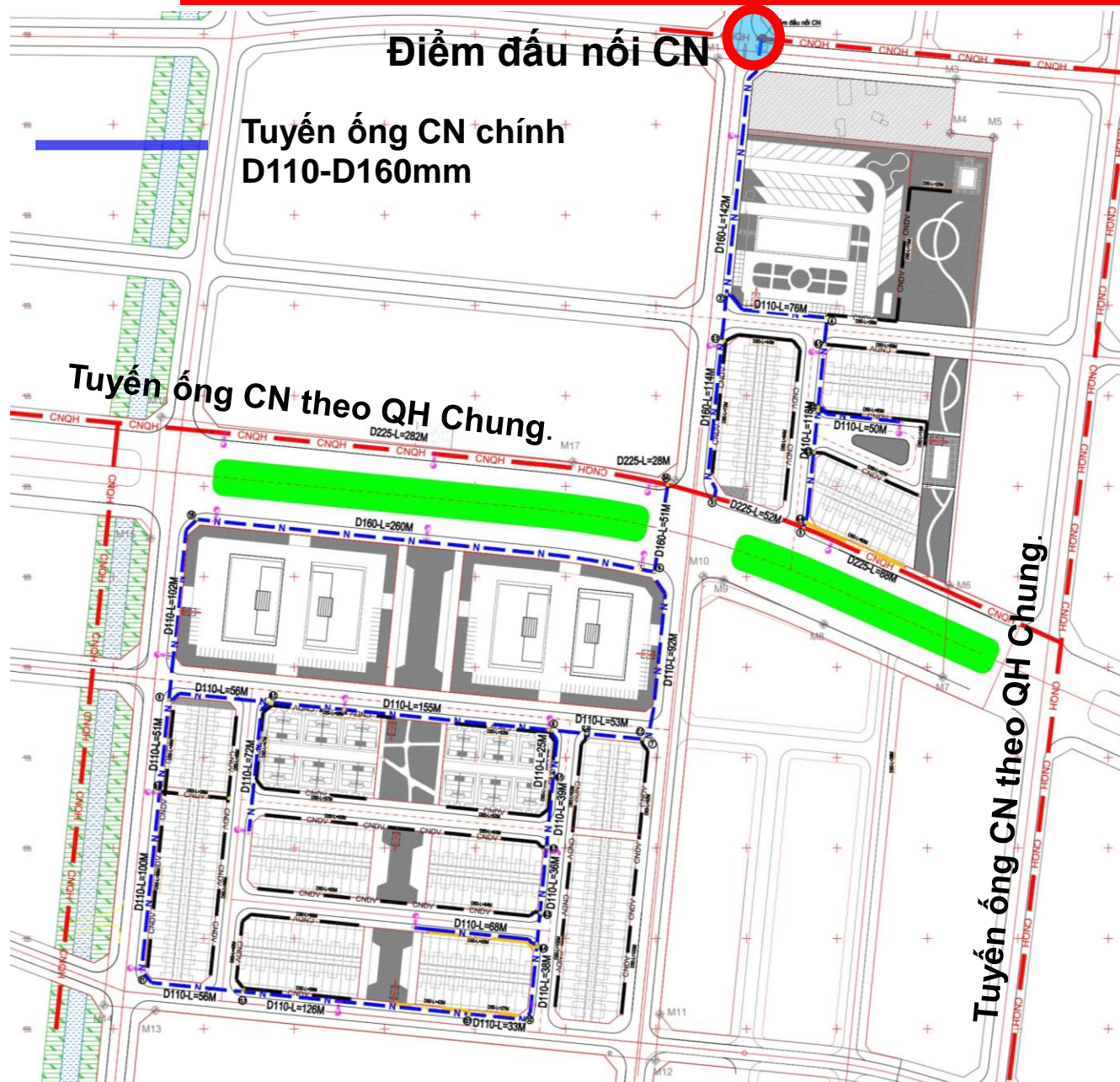


## MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC QUA DỰ ÁN





# BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG CẤP NƯỚC



Thuyết Minh:

+ Tổng công suất cấp nước đã duyệt: 380m<sup>3</sup>/ngđêm nay điều chỉnh thành 920 m<sup>3</sup>/ngđêm.

Lý do điều chỉnh: Cập nhật lại diện tích và bổ sung công suất cấp nước của khu đất Thương mại dịch vụ.

+ Nguồn cấp nước: được lấy từ nhà máy nước nhà máy nước Miền Trung. (Theo quy hoạch chung đô thị Tiên Trang, huyện Quảng Xương)

- Điều chỉnh tuyến ống chính theo Quy hoạch chung đô thị Tiên Trang:

+ Tuyến ống cấp nước chính đường kính D225mm chạy dọc theo hè đường phía Bắc đường trục chính (mặt cắt 1-1 rộng 55m) đi qua khu quy hoạch là điểm đầu nối cấp nước chính.

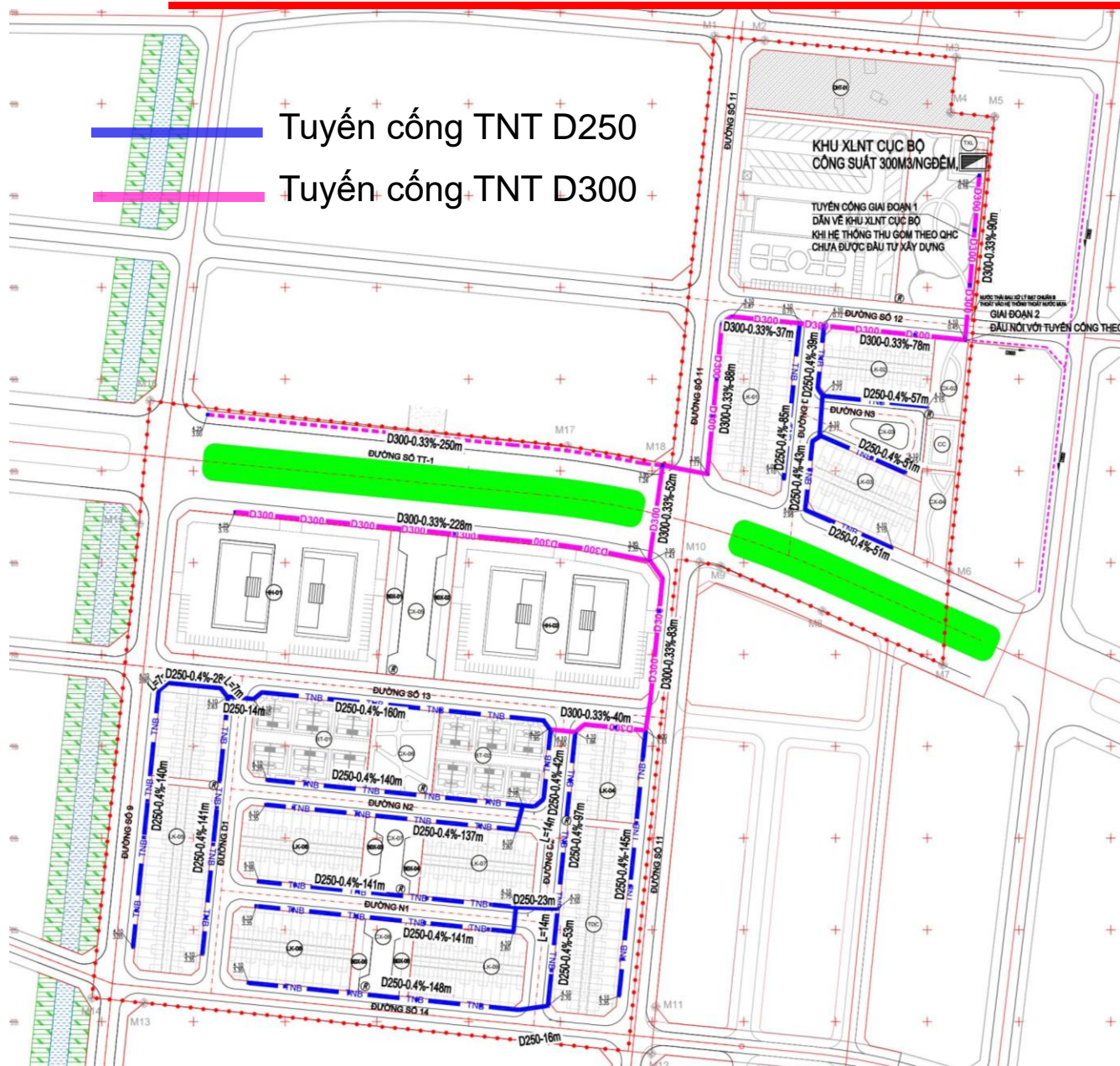
+ Trong giai đoạn trước mắt, dự kiến đầu nối cấp nước cho khu quy hoạch tại điểm đầu nối phía Bắc (trên tuyến đường 20,5m). Đường kính tuyến ống đầu nối D110mm.

- Từ điểm đầu nối. Thiết kế các tuyến ống cấp nước chính D110-D160mm cấp cho toàn khu quy hoạch. Mạng lưới cấp nước sinh hoạt cho dự án là mạng lưới vòng kết hợp mạng lưới cụt, đảm bảo bao trùm hết các khu chức năng và các hộ tiêu thụ nước.

+ Các đường ống cấp nước dịch vụ có đường kính D50, D63.



# BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI



- Tổng nhu cầu thoát nước thải được duyệt: 180m<sup>3</sup>/ngđêm nay điều chỉnh thành 300m<sup>3</sup>/ngđêm.

Lí do điều chỉnh công suất trạm xử lý nước thải cục bộ: Cập nhật lại diện tích và bổ sung công suất cấp nước của khu đất Thương mại dịch vụ

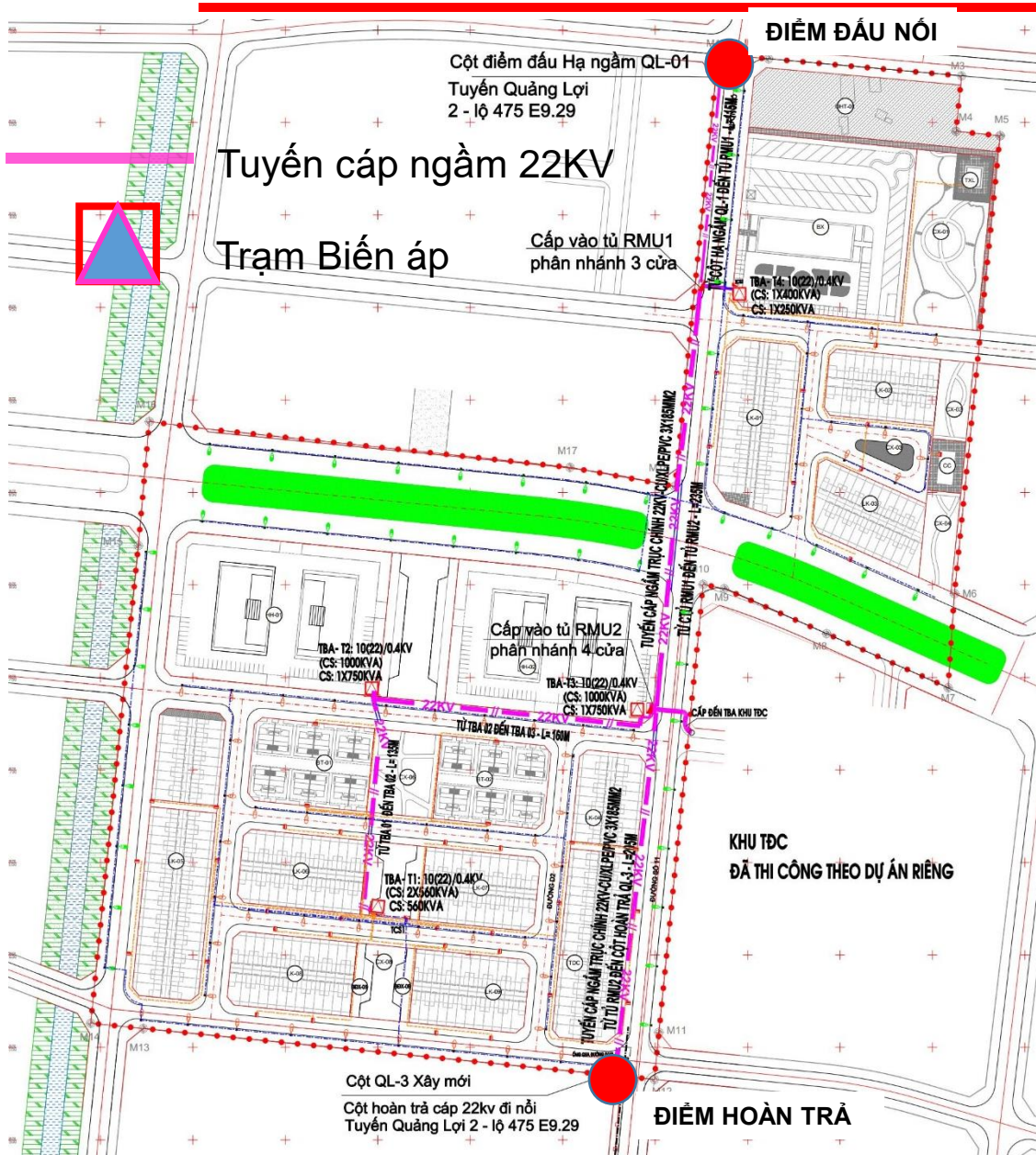
+ Hệ thống thoát nước thải là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn

+ Nước thải trong công trình được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại và thoát ra hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà. Cống thoát nước thải được bố trí trên vỉa hè các tuyến đường. Toàn bộ nước thải được đưa về trạm xử lý nước thải tại khu đất phía Đông Bắc dự án có công suất 300m<sup>3</sup>/ngđêm.

- Điều chỉnh kết cấu tuyến cống thu gom: Sử dụng cống HDPE 2 vách, các tuyến cống nhánh thu gom nước thải trước dãy nhà sử dụng cống D250mm. Các tuyến cống chính đường kính D300mm thuận tiện cho thi công và đấu nối. Mạng lưới cống thu gom nước thải được xây dựng đồng bộ với các ga thăm bê tông cốt thép, khoảng cách ga từ 20-40m tùy theo từng loại đường kính cống.



# BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN VÀ CHIẾU SÁNG



- Tổng công suất cấp điện được duyệt: 2.997,18 kVA nay điều chỉnh thành 2.216,8 kVA. ( Do Điều chỉnh lại Hệ số K đồng thời).

Nguồn cấp điện cho dự án được lấy từ đường điện hiện trạng 22kv - Nhánh rẽ Quảng Lợi 2 lộ 475 E9.29 đi nổi trên cột bê tông chạy qua dự án.

b. Giải pháp kỹ thuật :

Hiện tại tuyến đường dây trên không 22kv- nhánh rẽ Quảng Lợi 2 lộ 475 E9.29 nhánh cột 26 chạy qua khu quy hoạch dự kiến hạ ngầm dọc theo hè đường quy hoạch. Phương án hạ ngầm:

+ Điểm hạ ngầm: Từ cột 11 cáp đến cột hạ ngầm QL01 (xây mới) cáp đến tủ RMU-01 (phân nhánh cấp cho Trạm biến áp T4) và cáp đến tủ RMU-02 (phân nhánh cấp cho Trạm biến áp T3) sau đó hoàn trả lại tuyến trực cấp chính Quảng Lợi 2 lộ 475 E9.29 tại cột 19.

+ Điểm hoàn trả: Hoàn trả lại đường dây không (trực chính) tại cột QL03 (xây mới) và nối đến cột số 19. Hoàn trả lại tuyến nhánh cấp cho trạm biến áp khu Tái định cư tại cột QL-02.

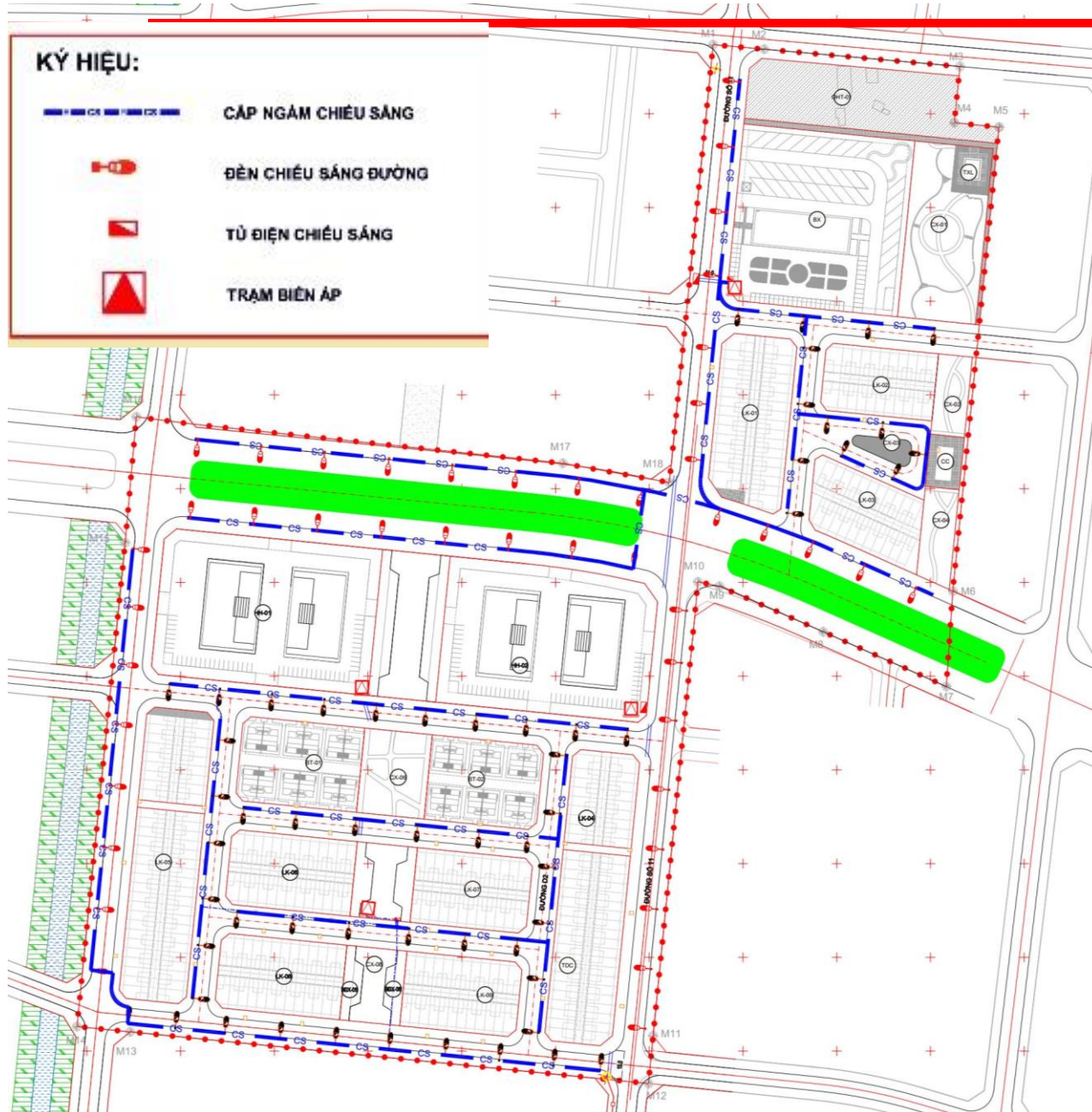
Điểm thỏa thuận đấu nối cho dự án gồm:

+ Điểm đấu nối 1: Tủ RMU-01 từ đây cấp đến tủ trạm biến áp TBA04 trong phạm vi dự án. (xem bản vẽ Qui hoạch cấp điện đi kèm).

+ Điểm đấu nối 2: Từ tủ RMU02 từ đây phân nhánh cấp đến các Trạm biến áp TBA01, TBA02, TBA03 trong dự án (xem bản vẽ Qui hoạch cấp điện).



# BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG CHIẾU SÁNG



Nguồn sáng: dùng đèn led để chiếu sáng đường giao thông,.  
Để chiếu sáng đường giao thông có bề rộng mặt cắt lòng đường nhỏ hơn 12m dùng đèn chiếu sáng đường bố trí 1 bên vỉa hè, cột thép mạ kẽm nhúng nóng cần đơn cao 10m, cần đèn chính lắp 01 bóng led 220V/150W, khoảng cột trung bình 35m.

Nguồn điện chiếu sáng dùng cho đèn được lấy từ các lộ ra hạ áp của trạm biến áp gần nhất ( tại trạm biến áp số 1 và 4).

Toàn bộ đường dây chiếu sáng dùng cáp cách điện loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC (4x16) mm<sup>2</sup> 0.4kV.

Đoạn đi dọc theo hè phố cáp được chôn ngầm đi trong ống nhựa xoắn HPDE dưới đất ở độ sâu 0.7m;

Đoạn đi qua đường, cáp được luồn trong ống nhựa HDPE bảo vệ đi ở độ sâu 1m.



# TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

